

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:35/2017/HSPT
Ngày: 05/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến.

Thẩm phán thành viên: Ông Lê Xuân Sơn.

Ông Chu Long Kiếm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2017/HSPT ngày 05 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Linh Văn B và đồng bọn, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2017/HSST ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Linh Văn B, sinh ngày 20/10/1964 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa 4/10; con ông Linh Văn N (đã chết) và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1940; anh, chị em ruột: Có 11 anh, chị em, bị cáo là thứ ba; vợ Hoàng Thị H; con, có 02 con (lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993). Tiền án: Không có. Tiền sự: Ngày 24/9/2012 bị Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt hành chính số 38 về hành vi đánh bạc, mức phạt 2.000.000đ, đến nay bị cáo vẫn chưa chấp hành. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/11/2016 đến nay. Có mặt.

2. Linh Văn P, sinh ngày 13/6/1975 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 2/12; con ông Linh Văn N (đã chết) và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1940; anh, chị em ruột có 11 anh, chị em, bị cáo là thứ tám; vợ

Hoàng Thị T; con, có 02 con (lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2000).Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/01/1981, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 02/12; con ông Nguyễn Hồng T và bà Đỗ Thị Đ; anh, chị em ruột: Có 07 anh, chị em, bị cáo là thứ tư; chồng Mông Thống S; con: Có 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2006).Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. Linh Văn T, sinh ngày 10/02/1986 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 7/12; con ông Linh Văn Đ và bà Hoàng Thị T; anh, chị em ruột: Có 05 anh, chị em, bị cáo là thứ tư; vợ Chu Thị H; con: Có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015).

Tiền án, tiền sự. Không có. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

5. Hoàng Văn Q, sinh ngày 28/7/1988 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 5/12; con ông Hoàng Văn V con bà Nông Thị T; anh, chị em ruột: Có 04 anh, chị em, bị cáo là nhỏ nhất; vợ Lương Thị V; con: Có 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh tháng 01/2017).Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

6. Mông Văn P, sinh ngày 29/4/1988 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 12/12; con ông Mông Du H và bà Hà Thị K (đã chết); anh, chị em ruột: Có 08 anh, chị em, bị cáo là nhỏ nhất; vợ Lê Thị H; con: Có 01 con, sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

7. Trần Văn N, sinh ngày 19/02/1993 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 8/12; con ông Trần Văn C và bà Linh Thị S; anh, chị em ruột: Có 05 anh, chị em, bị cáo là nhỏ nhất; vợ Lê Thị T; con: Có 01 con, sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Trần Xuân T – Luật sư công ty luật V, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bị hại: Ông Hoàng Quang M, sinh năm 1972; trú tại: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đ. Địa chỉ số: đường X, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đức L- Giám đốc Công ty. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 06 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân và bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm trường H, nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đ, được Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: E 0027998, ngày 07/01/1996 đối với diện tích đất 37.294.600m² đất lâm nghiệp, trong đó có khoảnh 36 tại khe C, thuộc thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Theo Quyết định số 19 QĐ/UB-KT ngày 06/01/1996). Ngày 10/01/2016, Công ty Đ ký hợp đồng giao - nhận khoán kinh doanh rừng chồi sản xuất theo chu kỳ kinh doanh mô hình 3 cho 02 cá nhân để kinh doanh rừng chồi sản xuất là ông Hoàng Quang M và ông Hoàng Văn P. Đến ngày 16/3/2016, Công ty Đ, ông Hoàng Quang M, ông Hoàng Văn P ký thêm một phụ lục hợp đồng, theo đó ông Hoàng Quang M được kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ của ông Hoàng Văn P tại các hợp đồng số 19 và số 25. Sau khi ký các hợp đồng, phụ lục hợp đồng ông Hoàng Quang M tiến hành chăm sóc cây bạch đàn chồi thì nhiều lần bị một số người dân của xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn chặt phá mầm chồi bạch đàn, trồng cây bạch đàn mới vào các lô đất nói trên. Ủy ban nhân dân xã T, công ty Đ và ông Hoàng Quang M đã nhiều lần nhắc nhở, ngăn cản nhưng không có hiệu quả.

Ngày 11/8/2016, trên cơ sở ông Hoàng Quang M trình báo việc bị phá mầm chồi bạch đàn, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã đến thực tế hiện trường. Qua khám nghiệm kiểm đếm được có 2.389 cây mầm chồi bạch đàn bị chặt, riêng số cây chồi bạch đàn bị chặt mới ngày 11/8/2016 là 590 cây, trong đó có 195 cây bị chặt toàn bộ, 304 cây bị chặt mầm to để lại mầm nhỏ và 91 cây bị chặt mầm nhỏ để lại mầm to. Xác định được những người chặt chồi gồm Linh Văn B, Linh Văn V, Linh Văn P, Nguyễn Thị H, Hoàng Minh N, Mông Văn X, Mông Văn P, Mông Văn T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn Q, Triệu Thị L, Linh Văn T, Linh Văn TH và Trần Văn N.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trưng cầu định giá đối với 499 cây bạch đàn gồm 195 cây bị chặt toàn bộ, 304 cây bị chặt mầm to để lại mầm nhỏ. Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 26/8/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận 499 cây bạch đàn trên có trị giá: **3.742.500đ (ba triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).**

Quá trình điều tra làm rõ: Do đã có sự thống nhất từ trước nên sáng ngày 11/8/2016 các bị cáo mang theo dao, khi có đông người thì bắt đầu đi lên đồi thuộc các lô D7, E113, E114, E115. Sau đó các bị cáo sử dụng dao cùng nhau chặt phá mầm chồi bạch đàn, phát cỏ và trồng cây bạch đàn mới. Khi đang chặt do biết có Công an đến làm việc nên các bị cáo đã dừng lại, khi được Công an mời làm việc thì các bị cáo không chấp hành mà bỏ về nhà.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo cho rằng trước đây gia đình có công khai phá đất tại khe C, thôn C, xã T, đến khoảng năm 1997 khi Nhà nước thu hồi giao cho Lâm Trường H trồng cây bạch đàn thì không làm nữa. Đến cuối năm 2015 đầu năm 2016 khi thấy các gia đình nhận khoán khai thác cây bạch đàn thì người dân các thôn Đ, T của xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn rủ nhau, cùng vào làm tại đất cũ. Một số người dân đã nhiều lần tổ chức họp để bàn bạc về việc lấy lại đất cũ, cùng nhau góp tiền, góp sức làm 01 chiếc lán phía dưới chân đồi làm nơi để xe, nghỉ ngơi khi đi làm đồi rừng tại khe C. Bản thân các bị cáo đã nhiều lần vào khe C phát cỏ, chặt chồi, cuốc hố, trồng cây. Do nhiều lần bị ông Hoàng Quang M đưa người đi vào ngăn cản, xảy ra xô xát nên khi vào khe C những người dân thường đi nhiều người, làm đổi công cho nhau để có số lượng đông giúp nhau và làm cho nhóm người của ông Hoàng Quang M không thể ngăn cản và bảo vệ cây rừng đang chăm sóc. Trong số các bị cáo, Linh Văn B là người tích cực, chủ động đưa ra ý kiến tại các cuộc họp, vận động dân làng vào lấy lại đất cũ tại khe C, khi có nhóm người của ông Hoàng Quang M đến ngăn cản thì Linh Văn B là người chủ động đứng ra giải quyết, động viên mọi người tiếp tục vào lấy lại đất cũ. Khi khám nghiệm hiện trường cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ được một số đoạn thân chồi bạch đàn là do các bị cáo chặt phá ngày 11/8/2016. Ngoài ra các bị cáo cũng đã giao nộp lại những con dao các bị cáo dùng để chặt phá chồi bạch đàn.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2017/HSST ngày 28/3/2017, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định như sau:

I. Tuyên bố các bị cáo: Linh Văn B, Linh Văn P, Nguyễn Thị H, Hoàng Minh N, Mông Văn X, Mông Văn P, Mông Văn T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn Q, Triệu Thị L, Linh Văn Th, Linh Văn T và Trần Văn N về tội “Hủy hoại tài sản”.

II. Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 143; điểm h khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 33, 45, 53 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Xử phạt bị cáo **Linh Văn B** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2016. Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 143; các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53, 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Xử phạt bị cáo **Linh Văn P** 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 143, các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53, 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 143; các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53, 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Xử phạt bị cáo **Linh Văn T** 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 143; các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53, 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn Q** 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 143, các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53, 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Mông Văn P** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 143; các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53, 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Xử phạt bị cáo **Trần Văn N** 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục.

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt các bị cáo khác từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 05/4/2017, bị cáo **Linh Văn B** có đơn kháng cáo, cho rằng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H không điều rõ ràng, nên không đủ căn cứ truy tố bị cáo; ngày 18/4/2017 bị cáo có đơn kháng cáo bổ sung; kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét trả tự do cho bị cáo vì bị cáo không phạm tội.

Ngày 10/4/2017, các bị cáo **Linh Văn P**, **Nguyễn Thị H**, **Mông Văn P**, **Hoàng Văn Q**, **Linh Văn T**, **Trần Văn N** kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên bố các bị cáo không phạm tội Hủy hoại tài sản; hủy bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST, ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện H và đình chỉ vụ án.

Người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến bảo lưu quan điểm như ở cấp sơ thẩm. Cụ thể Luật sư cho rằng các bị cáo vô tội vì chỉ có hành vi phát cỏ, tĩa mầm

chối bạch đàn với mục đích giữ đất của cha ông chứ không có mục đích hủy hoại tài sản. Ngoài ra trong vụ án cũng có nhiều chi tiết chưa được cấp sơ thẩm làm rõ nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm cho rằng mình không có tội. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo đã rõ. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp với mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo không đưa ra được tình tiết nào mới làm căn cứ phục vụ cho việc kháng cáo, những lời trình bày mà các bị cáo đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ để chấp nhận, do đó đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 BLTTH không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm về mức hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; Luật sư; các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Linh Văn B vẫn giữ nguyên kháng cáo, cho rằng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H không đủ căn cứ để truy tố bị cáo, vì vậy bị cáo yêu cầu được xét xử lại. Các bị cáo Linh Văn P, Nguyễn Thị H, Mông Văn P, Hoàng Văn Q, Linh Văn T, Trần Văn N đều đồng nhất quan điểm cho rằng bản án sơ thẩm chưa đánh giá đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử sơ thẩm, chưa đánh giá đúng những tình tiết là sự thật khách quan của vụ án, chưa xem xét một cách toàn diện các chứng cứ và lời khai của các bị cáo. Do đó yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên bố các bị cáo không phạm tội và tuyên hủy bản án sơ thẩm số: 14/2017/HSST, ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Xét kháng cáo của các bị cáo thấy như sau:

Ngày 07/01/1996, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0027998, ngày 07/01/1996 đối với diện tích đất 37.294.600 m² đất lâm nghiệp, trong đó có khoảnh 36 tại khe C thuộc thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Theo Quyết định số 19 QĐ/UB-KT ngày 06/01/1996). Ngày 10/01/2016, Công ty Đ ký hợp đồng giao – nhận khoán kinh doanh rừng chồi sản xuất theo chu kỳ kinh doanh mô hình 3 cho 02 cá nhân để kinh doanh rừng chồi sản xuất là ông Hoàng Quang M và ông Hoàng Văn P. Đến ngày 16/3/2016, Công ty Đ, ông Hoàng Quang M, ông Hoàng Văn P ký thêm một phụ lục hợp đồng, theo đó ông Hoàng Quang M được thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ của ông Hoàng Văn P tại các hợp đồng số 19 và số 25. Trong đó

diện tích đất và số lượng cây bạch đàn nằm tại các lô D7, E113, E114, E115 đều thuộc khu đất mà ông Hoàng Quang M được quyền quản lý, sử dụng. Từ đó thấy rằng việc công ty Đ ký hợp đồng giao khoán cho ông Hoàng Quang M để khai thác chồi cây bạch đàn là đúng quy định và có giá trị pháp lý. Do đó ông Hoàng Quang M mới là người được quyền đến chăm sóc chồi cây trong khu đất trên từ 10/01/2016. Vì vậy việc các bị cáo cho rằng khu đất đó do cha ông để lại, các bị cáo vào đây phát cỏ, tỉa chồi nhằm mục đích giữ bờ bãi là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận bản thân và gia đình chưa được cơ quan có thẩm quyền giao đất. Các bị cáo đã làm đơn đề nghị Công ty Lâm nghiệp Đ giao đất, giao rừng nhưng chưa được giao và các bị cáo đều thừa nhận chủ sử dụng đất có những cây bạch đàn bị hủy hoại là của Công ty Đ. Điều đó chứng tỏ các bị cáo nhận thức được những cây bạch đàn trên đất không phải của các bị cáo nhưng vẫn cố tình xâm phạm và thực hiện hành vi chặt phá.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không thừa nhận đã được chặt chồi bạch đàn và đều cho rằng toàn bộ chồi bạch đàn bị chặt là do ông Hoàng Quang M chặt, các bị cáo còn cho rằng, tại cơ quan điều tra các bị cáo bị ép cung, mớm cung và ép viết đơn từ chối mời Luật sư, nhưng không đưa ra được căn cứ gì; Hội đồng xét xử thấy lời khai của các bị cáo không đúng với thực tế khách quan của vụ án, nhằm trốn tránh tội lỗi của bản thân. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận cùng nhau đi phát tỉa mầm chồi bạch đàn tại khu đồi C, "... chúng tôi không vi phạm vì chúng tôi phát tỉa ở bãi của gia đình chúng tôi" (bút lục số 399; bút lục từ số 439 đến 498 và từ số 601 đến 603). Điều đó chứng tỏ các bị cáo đã thừa nhận có hành vi chặt phá cây chồi bạch đàn, đó là hành vi hủy hoại tài sản của người khác.

Các bị cáo cho rằng được chặt cây trên đất của mình nhưng đều thừa nhận là đất chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận và đều thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm rằng diện tích đất có 499 cây chồi bạch đàn bị chặt, chủ sử dụng là Công ty Đ, còn các chồi cây bạch đàn là của ông Hoàng Quang M.

Mặt khác, đối với số lượng chồi bạch đàn bị chặt ngày 11/8/2016 và việc định giá giá trị của Hội đồng định giá về chồi bạch đàn các bị cáo không có ý kiến gì. Như vậy các bị cáo đã thừa nhận có sự việc được vào tỉa chồi bạch đàn trong khu vực đất do ông Hoàng Quang M quản lý mà chưa được sự đồng ý của ông M. Giá trị của số cây bạch đàn bị các bị cáo chặt là **3.742.500đ (ba triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng)**. Với hành vi và trị giá tài sản của các bị cáo như vậy thì đã thỏa mãn cấu thành tội Hủy hoại tài sản được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Từ những phân tích trên thấy rằng, cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Linh Văn B, Linh Văn P, Nguyễn Thị H, Mông Văn P, Hoàng Văn Q, Linh Văn T, Trần Văn N về tội Hủy hoại tài sản là đúng người, đúng tội, không oan. Tòa cấp sơ thẩm đã đánh giá về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những lý do mà các bị cáo đưa ra tại phiên tòa là không có căn cứ, các bị cáo cũng không đưa ra được tình tiết nào mới làm căn cứ phục vụ cho việc kháng cáo. Do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Bởi vậy, ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo cũng không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Linh Văn B, Linh Văn P, Nguyễn Thị H, Mông Văn P, Hoàng Văn Q, Linh Văn T, Trần Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Linh Văn B, Linh Văn P, Nguyễn Thị H, Mông Văn P, Hoàng Văn Q, Linh Văn T và Trần Văn N. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 28/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể như sau:

1. Tuyên bố các bị cáo Linh Văn B, Linh Văn P, Nguyễn Thị H, Mông Văn P, Hoàng Văn Q, Linh Văn T và Trần Văn N phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 143; điểm h khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 33, 45, 53 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Xử phạt bị cáo **Linh Văn B** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2016. Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

1.2. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 143; các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53, 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Xử phạt bị cáo **Linh Văn P** 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 143, các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53, 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 143; các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53, 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Xử phạt bị cáo **Linh**

Văn T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 143; các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53, 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn Q 08** (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục.

1.6. Áp dụng khoản 1 Điều 143, các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53, 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Mông Văn P 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục.

1.7. Áp dụng khoản 1 Điều 143; các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 53, 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Xử phạt bị cáo **Trần Văn N 08** (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Linh Văn B, Linh Văn P, Nguyễn Thị H, Mông Văn P, Hoàng Văn Q, Linh Văn T, Trần Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Toà Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến